

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 176/2017/DS-PT

Ngày: 17-11-2017

“V/v tranh chấp hợp đồng thuê
tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Linh

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Hồng Vân

Ông Ngô Dũng

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông (bà): ông Nguyễn Ngọc Bình – Kiểm sát viên

Trong ngày 17 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 157/2017/TLPT-DS ngày 17 tháng 10 năm 2017 về việc: “Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 76/2017/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 179/2017/QĐ-PT ngày 24 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Hợp tác xã Nông nghiệp PQ,

Trụ sở: Ấp LP, xã LĐ, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960 – Chủ tịch Hội đồng Quản trị Hợp tác xã nông nghiệp PQ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1980; Cư trú: Ấp Long Phú 1, xã LĐ, huyện C, tỉnh An Giang (Văn bản ủy quyền ngày 18 tháng 7 năm 2017). Có mặt

- Bị đơn: Ông Lê Minh Q, sinh năm 1982, Có mặt

Cư trú: Tổ 29, ấp LB, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Lê Minh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/01/2017 và các lời khai, đại diện Hợp tác xã nông nghiệp PQ (HTX PQ) trình bày: Vào tháng tháng 10 năm 2016, Hợp tác xã có cho ông Lê Minh Q thuê 01 chiếc máy kope giá thuê 18.000.000 đồng/tháng (theo hợp đồng ký kết giữa Hợp tác xã với ông Q số 06 ngày 18/7/2016 và 07 ngày 02/10/2016), thời gian thuê từ ngày 03/10/2016 đến 03/12/2016 là 03 tháng số tiền 54.000.000 đồng nhưng đến ngày 16/01/2017 ông Q lẩn tránh không thanh toán tiền thuê kope cho Hợp tác xã. Đến ngày 28.3.2017, Hợp tác xã mới nhận lại được xe. Do ông Q đã không trả tiền thuê máy cho Hợp tác xã 06 tháng 25 ngày nên Hợp tác xã khởi kiện, yêu cầu ông Lê Minh Q trả số tiền thuê kope là 123.000.000 đồng cho Hợp tác xã.

Ông Lê Minh Q trình bày: Thống nhất lời trình bày của nguyên đơn, ông thừa nhận còn nợ Hợp tác xã tiền thuê máy là 123.000.000đồng. Tuy nhiên, do trong khi sử dụng máy kope thì bị Ủy ban nhân dân xã A tạm giữ máy kope nên không hoạt động được nên không có khả năng trả cho Hợp tác xã.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 76/2017/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

Căn cứ vào: Điều 480, 489 Bộ luật dân sự 2005; Điều 26, Điều 35, Điều 147, Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã nông nghiệp PQ.

Buộc ông Lê Minh Q có trách nhiệm trả cho hợp tác xã nông nghiệp PQ số tiền 123.000.000đồng (Một trăm hai mươi ba triệu đồng).

Ngoài ra, án còn tuyên về án phí; lãi suất phát sinh do chậm trả; quyền kháng cáo; quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 06/9/2017, ông Lê Minh Q có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết lại toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn trình bày: Vẫn giữ yêu cầu kháng cáo và yêu cầu được chậm thanh toán tiền thuê máy do đang khởi kiện đòi Ủy ban dân dân xã A bồi thường thiệt hại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và những người tham

gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh An Giang căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 76/2017/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa và nghe lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật, về thẩm quyền xét xử như nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm là hoàn toàn đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ngày 24/8/2017, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử về việc “Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản” theo bản án số 76/2017/DS-ST. Đến ngày 06/9/2017, bị đơn Lê Minh Q có đơn kháng cáo. Xét về thời hạn kháng cáo, người có quyền kháng cáo đã đảm bảo theo đúng qui định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung:

Hợp tác xã nông nghiệp PQ căn cứ vào Hợp đồng thuê tài sản (máy Kope) số 06 ngày 18/7/2016 và số 07 ngày 02/10/2016 được ký kết giữa Hợp tác xã với ông Q để khởi kiện yêu cầu ông Q trả số tiền thuê máy Kope còn thiếu là 123.000.000 đồng. Phía ông Q thừa nhận còn thiếu tiền thuê máy Kope của Hợp tác xã nông nghiệp Phú Quới với số tiền 123.000.000đ nhưng không có khả năng trả do máy bị Ủy ban Nhân dân xã A tạm giữ. Sau khi án sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã, ông Q kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết lại toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Xét, hợp đồng thuê tài sản giữa các bên là sự tự nguyện, không bị ép buộc, không trái với quy định pháp luật và đạo đức xã hội. Phía ông Q đã thuê tài sản là chiếc Kope từ ngày 02 tháng 10 năm 2016 đến ngày 28 tháng 3 năm 2017 không trả tiền thuê là vi phạm nghĩa vụ trả tiền thuê làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Hợp tác xã. Mặc dù ông Q nại ra lý do máy kope bị Ủy ban Nhân dân xã A tạm giữ máy để từ chối nghĩa vụ thanh toán tiền thuê và xin chậm thanh toán nhưng căn cứ vào hợp đồng thuê tài sản trên, lý do ông Q nêu ra không thuộc trường hợp loại trừ nghĩa vụ trả tiền thuê cũng như chậm thanh toán tiền thuê máy mà hai bên đã giao kết. Do đó, án sơ thẩm buộc ông Q phải có trách nhiệm trả cho Hợp tác xã nông nghiệp PQ số tiền 123.000.000đ là có căn cứ.

Tại phiên tòa hôm nay ngoài lời khai ra, ông Q cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, do đó kháng cáo của

ông Q không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét khác mà nghĩ cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do yêu cầu kháng cáo của ông Q không được chấp nhận nên ông Q phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

+ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Phúc xử:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Minh Q.

- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 76/2017/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C.

Ông Lê Minh Q phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng kháng cáo đã nộp theo biên lai thu số 0014300 ngày 06/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV và THA;
- TAND huyện;
- THA huyện;
- Văn phòng;
- Tòa dân sự;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Ngọc Linh

